



HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VỐN CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

Lê Thị Thảo

Trường Đại học Luật, Đại học Huế,

Tác giả liên hệ: **Lê Thị Thảo** < lethaolaw@gmail.com >

(Ngày nhận bài: 18-10-2022; Ngày chấp nhận đăng: 16-11-2022)

Tóm tắt: Bên cạnh hoạt động tín dụng truyền thống, hoạt động đầu tư vốn đã được các ngân hàng thương mại quan tâm và có các chiến lược mới phù hợp với những biến chuyển của thị trường tài chính. Các ngân hàng thương mại tìm kiếm cơ hội lợi nhuận thông qua hoạt động đầu tư vốn vào các doanh nghiệp, góp vốn mua cổ phần, liên doanh liên kết đã mang lại nguồn doanh thu đáng kể cho các ngân hàng, đặc biệt với các nguồn vốn đầu tư trung và dài hạn. Tuy nhiên, các hoạt động này đồng thời cũng làm tăng chi phí và các rủi ro tiềm ẩn cho các ngân hàng thương mại dẫn đến rủi ro nợ xấu, phá sản ngân hàng thương mại cũng tăng lên. Do đó, việc tăng cường và nâng cao hiệu quả quản lý của nhà nước đối với các hoạt động của các ngân hàng thương mại là hết sức cần thiết. Trên cơ sở các tài liệu, thông tin thứ cấp, bài viết phân tích, đánh giá thực trạng quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư vốn của ngân hàng thương mại, từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư vốn của ngân hàng thương mại, hướng tới mục tiêu phát triển an toàn và bền vững hệ thống ngân hàng và nền kinh tế.

Từ khoá: đầu tư vốn, ngân hàng thương mại, quản lý nhà nước.

PERFECTING THE LAW ON STATE MANAGEMENT OF CAPITAL INVESTMENT ACTIVITIES OF COMMERCIAL BANKS

Le Thi Thao

University of Law, Hue University, Vo Van Kiet St., Hue, Viet Nam.

* Correspondence to **Le Thi Thao** < lethaolaw@gmail.com >

(Received: October 18, 2022; Accepted: November 16, 2022)

Abstract: In addition to traditional credit activities, commercial banks have been interested in capital investment activities and have new strategies in line with changes in the financial market. Commercial banks seek profit opportunities through capital investment in businesses, capital contribution to buy shares and joint ventures, which have brought significant revenue to the banks, especially with banks medium and long-term investment capital. However, at the same time, it also increases costs and potential risks for commercial banks, leading to risks of bad debt and bankruptcy of commercial banks. It is necessary to strengthen and improve the efficiency of state management over the activities of commercial banks. Based on documents and secondary materials, the article analyzes and evaluates the current status of state management of capital investment activities of commercial banks, thereby proposing solutions to improve the law and the efficiency of state management over capital investment activities of commercial banks towards the goal of safe and sustainable development of the banking system and the economy.

Keywords: capital investment, commercial banks, state management.

1. Đặt vấn đề

Để nền kinh tế thị trường phát triển bền vững, hệ thống ngân hàng phải thường xuyên đảm bảo hoạt động an toàn, lành mạnh và kỷ cương pháp luật trong lĩnh vực ngân hàng được duy trì. Một hệ thống ngân hàng được coi là an toàn nếu nó thực hiện một cách có hiệu quả chức năng vốn có của nó (*phân bổ nguồn vốn tiết kiệm, cung cấp phương tiện thanh toán cho các hoạt động kinh tế, thương mại*) cho nền kinh tế, có khả năng hạn chế hoặc xử lý các rủi ro trước khi các rủi ro này đe dọa đến hệ thống. Dưới góc độ của cơ quan quản lý trong lĩnh vực tiền tệ - ngân hàng, “*đảm bảo an toàn hệ thống ngân hàng*” được nhìn nhận là “*đảm bảo cho hệ thống ngân hàng không xảy ra khủng hoảng, đổ vỡ ngân hàng mang tính hệ thống*”. Theo đó, hai cơ chế được áp dụng để đảm bảo an toàn cho hệ thống ngân hàng bao gồm: (i) Phòng tránh khủng hoảng và (ii) Xử lý khủng hoảng để giảm nguy cơ lây lan thành khủng hoảng hệ thống¹.

Ngân hàng thương mại (NHTM) là mắt xích quan trọng trong nền kinh tế, đóng vai trò cung cấp danh mục các dịch vụ tài chính đa dạng (tín dụng, tiết kiệm, dịch vụ thanh toán, thực hiện nhiều chức năng tài chính khác), là cầu nối liên kết với các lĩnh vực trong đời sống và hoạt động hằng ngày của người dân. Do đó, sự ổn định của hệ thống ngân hàng là rất quan trọng để tạo môi trường làm việc, kinh doanh thuận lợi cho nhà đầu tư, bảo vệ khách hàng gửi tiền, đồng thời bình ổn nền kinh tế. Trong bối cảnh hội nhập và mở rộng kinh tế hiện nay, hệ thống ngân hàng thương mại đã có nhiều thay đổi trong chiến lược kinh doanh và đầu tư nhằm hướng tới mục tiêu phát triển bền vững: đa dạng hóa dịch vụ tài chính ngân hàng nâng cao khả năng cạnh tranh bằng cách đa dạng hóa các hoạt động đầu tư vốn, mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ sang lĩnh vực bảo hiểm, môi giới chứng khoán và các dịch vụ khác với các dịch vụ tài

¹ Nguyễn Hữu Nghĩa (2014). Vai trò của ngân hàng nhà nước trong ổn định kinh tế vĩ mô và đảm bảo an toàn hoạt động ngân hàng, https://www.sbv.gov.vn/webcenter/portal/vi/menu/trangchu/hdk/hdkhcn/htnc/htnc_chitiet?

chính mới đã tạo ra nguồn thu mới... Tuy nhiên, trong thời gian qua cơ chế quản lý, giám sát, xử lý của cơ quan quản lý nhà nước chưa hiệu quả, tình trạng sở hữu chéo giữa các ngân hàng, hoạt động đầu tư vượt quá tỷ lệ giới hạn, các chỉ số an toàn vốn không được bảo đảm dẫn đến tình trạng nợ xấu tăng cao đã ảnh hưởng không nhỏ đến sự an toàn của hệ thống ngân hàng và nền kinh tế.

Trên cơ sở phân tích thực trạng hoạt động đầu tư vốn của ngân hàng thương mại, thực trạng pháp luật về quản lý, giám sát đối với hoạt động đầu tư vốn của ngân hàng thương mại thông qua các biện pháp quản lý nhà nước, bài viết đề xuất các giải pháp hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư vốn của ngân hàng thương mại nhằm hạn chế và phòng tránh các rủi ro.

2. Vai trò của quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư vốn của ngân hàng thương mại

Trong những năm gần đây, thuật ngữ bất ổn ngân hàng (banks instability) được nhắc đến trong hoạch định và xây dựng chính sách, tái cơ cấu nền kinh tế. Sự bất ổn của hệ thống ngân hàng sẽ tác động đến toàn bộ hệ thống tài chính và nền kinh tế. Sự bất ổn ngân hàng xảy ra khi một lượng lớn khách hàng của ngân hàng hoặc các tổ chức tài chính khác rút tiền gửi vì lo ngại về khả năng thanh toán của ngân hàng, do đó buộc ngân hàng phải thanh lý tài sản của mình ở trạng thái thua lỗ. Ngoài ra, bất ổn ngân hàng còn có thể xuất hiện thông qua tình trạng mất khả năng thanh toán thường được đặc trưng bởi một lượng lớn các khoản nợ xấu không có khả năng thu hồi². Một nghiên cứu khác cho thấy, nguyên nhân cơ bản dẫn đến tình trạng bất ổn ngân hàng là do khủng hoảng thanh toán, bắt nguồn từ nhu cầu về thanh toán ngắn hạn vượt quá dự trữ tài sản thanh khoản cao, phát sinh tình trạng mất cân đối giữa nguồn vốn và tài sản của bảng cân đối ngân hàng khi tài sản nợ có xu hướng ngắn hạn trong khi tài sản có xu hướng dài hạn và thanh khoản thấp³.

Theo Paul Krugman, nhà Kinh tế Mỹ đã bào chữa cho quyết định kiểm soát ngoại hối của Thủ tướng Malaysia lúc ấy là Mahathir vì nghe lời của IMF, hoạt động của hệ thống ngân hàng bóng tối là “cốt lõi” của những gì đã gây ra cuộc khủng hoảng năm 1997. Ông gọi sự thiếu kiểm soát là “bò bê độc ác” và lập luận rằng đáng lẽ tất cả các hoạt động tương tự của ngân hàng đều phải được giám sát⁴. Nguyên do khủng hoảng tiền tệ ở đây chính vì thiếu vai trò của Chính phủ trong kiểm soát tài chính tiền tệ. Do vậy, để tồn tại bền vững các ngân hàng thương mại phải có chiến lược đầu tư đảm bảo “hoạt động tron tru, hiệu quả”, có thể thực hiện tốt các chức năng

² Ngalawa, H., Tchana, F. T., & Viegi, N. (2016). Banking Instability and Deposit Insurance: The Role of Moral Hazard. *Journal of Applied Economics*, 19(2), 323-350.

³ Lai, A. (2002). *Modelling financial instability: a survey of the literature*, Citeseer.

⁴ Paul Krugman (2009). *The return of depression economics and the crisis of 2008*, New York: W. W. Norton.

của mình bao gồm trung gian thanh toán và tín dụng, đồng thời có khả năng chịu được các cú sốc từ môi trường bên ngoài và bản thân các ngân hàng không gây ra các cú sốc ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế. Bên cạnh hoạt động tín dụng truyền thống, các ngân hàng thương mại phải có chiến lược đầu tư vốn đa dạng để tìm kiếm lợi nhuận. Mặt khác, để ổn định hệ thống ngân hàng và phòng tránh rủi ro cần tăng cường sự quản lý của nhà nước, giám sát các hoạt động đầu tư kinh doanh của các ngân hàng thương mại.

Nghiên cứu gần đây của World Bank về nội dung “*Tái suy nghĩ về vị trí của Nhà nước trong hoạt động ngân hàng*” nhấn mạnh: việc đánh giá vai trò của Nhà nước, kể cả sau các biến động, khủng hoảng tài chính, không phải là Nhà nước có nên điều tiết và giám sát lĩnh vực tài chính hay không mà là đánh giá và tìm cách thức tốt nhất để đảm bảo rằng sự điều chỉnh và giám sát của Nhà nước sẽ hỗ trợ sự phát triển ổn định nền tài chính.

Quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư vốn của ngân hàng thương mại bao gồm: xây dựng cơ sở pháp lý tạo điều kiện đa dạng hóa các hoạt động đầu tư vốn; kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động đầu tư vốn nhằm tạo được môi trường pháp lý thuận lợi để hoạt động đầu tư an toàn, hiệu quả. Đồng thời định hướng, dự báo, xây dựng hệ thống giám sát giúp các NHTM có những điều chỉnh thiết thực trước những biến động của nền kinh tế trong nước và quốc tế.

3. Thực trạng pháp luật về quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư vốn của ngân hàng thương mại

Pháp luật Việt Nam hiện hành đã tạo lập được vị trí pháp lý cho ngân hàng nhà nước (NHNN) để thực hiện chức năng đảm bảo hiệu quả quản lý đối với lĩnh vực có tính đặc thù cao như lĩnh vực ngân hàng. Với địa vị pháp lý được xác lập vừa là cơ quan ngang bộ, vừa là ngân hàng trung ương, NHNN Việt Nam thực hiện chức năng quản lý toàn bộ hoạt động của các chủ thể thực hiện hoạt động ngân hàng trên thị trường, trong đó có các NHTM và hoạt động đầu tư của NHTM. Mặt khác, hoạt động đầu tư vốn của ngân hàng thương mại được thực hiện dưới nhiều phương thức khác nhau như thành lập công ty con, góp vốn đầu tư với doanh nghiệp khác, đầu tư vào thị trường chứng khoán, hoạt động trong thị trường tài chính... Do vậy, ngoài sự quản lý của Ngân hàng nhà nước, các chủ thể khác cùng tham gia quản lý đối với hoạt động đầu tư vốn của ngân hàng thương mại, đó là: Ủy ban chứng khoán Nhà nước; NHTM tham gia đầu tư vào thị trường chứng khoán thông qua hình thức đầu tư trực tiếp, đó là thực hiện hoạt động mua bán hoặc thành lập công ty chứng khoán trực thuộc là nhóm hoạt động đầu tư quan trọng của NHTM chịu sự quản lý của Ủy ban chứng khoán Nhà nước; Cơ quan quản lý đăng ký kinh doanh: Khi NHTM thực hiện góp vốn, mua cổ phần thành lập doanh nghiệp mới, hoặc thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh, thủ tục bắt buộc phải thực hiện là tiến hành đăng ký kinh doanh sau khi được chấp thuận. Thủ tục đăng ký kinh doanh chịu sự quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu

tư, đại diện là các Sở Kế hoạch Đầu tư tại các địa phương. Các cơ quan này thông qua hoạt động quản lý thành viên góp vốn/ cổ đông sáng lập và vốn điều lệ của doanh nghiệp nhận góp vốn sẽ trực tiếp tham gia vào hoạt động quản lý đối với việc góp vốn, mua cổ phần của NHTM. Pháp luật về quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư của NHTM được thể chế hóa trong các quy định thông qua các chủ thể quản lý và các biện pháp can thiệp vào thị trường, đó là:

- NHNN thực hiện đa dạng các biện pháp can thiệp vào thị trường. Cụ thể:

Thứ nhất, NHNN có thẩm quyền ban hành các thông tư, quyết định và đóng góp ý kiến cho Nhà nước trong quá trình xây dựng luật, góp phần tạo lập hành lang pháp lý, đặt ra các nguyên tắc, điều kiện chung cho hoạt động của các ngân hàng nói chung và hoạt động đầu tư nói riêng. Đó vừa là khung pháp lý cho các NHTM thực hiện hoạt động đầu tư, vừa là công cụ pháp lý để NHNN thực hiện chức năng quản lý, giám sát.

Tại Thông tư 36/2014/TT-NHNN về việc quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng (TCTD), chi nhánh ngân hàng nước ngoài (NHNNg), các TCTD và chi nhánh NHNNg phải tuân thủ các quy định bao gồm (i) tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR) ở mức 9% để đảm bảo khả năng bù đắp các khoản tổn thất không định trước bằng vốn tự có; (ii) giới hạn cấp tín dụng để hạn chế rủi ro trong việc tập trung tín dụng cho một khách hàng và những người có liên quan; (iii) tỷ lệ khả năng chi trả để đảm bảo cho ngân hàng có đủ thanh khoản khi xảy ra rủi ro xuất phát từ sự mất cân đối về kỳ hạn, nguồn vốn và sử dụng vốn; (iv) tỷ lệ tối đa nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn để hạn chế rủi ro thanh khoản; (v) giới hạn góp vốn, mua cổ phần để đảm bảo ngân hàng tránh mở rộng hoạt động sang lĩnh vực phi ngân hàng; (vi) tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi để tránh các rủi ro trong việc cho vay vượt quá mức tiền gửi của NHTM. Có thể coi đây chính là những công cụ đầu tiên mà NHNN thực hiện chính sách giám sát an toàn vĩ mô.

Thứ hai, trong quá trình quản lý, NHNN thực hiện nhiều biện pháp cụ thể như thực hiện xem xét, chấp thuận đề nghị được thành lập công ti con mới, công ti liên kết, trường hợp góp vốn, mua cổ phần khác hoặc cấp phép đối với hoạt động uỷ thác đầu tư thông qua chế độ báo cáo và yêu cầu minh bạch thông tin trên hai nội dung: (i) Báo cáo xin chấp thuận thực hiện hoạt động đầu tư và (ii) NHTM thực hiện báo cáo về tỉ lệ đảm bảo, điều kiện khác và yêu cầu minh bạch thông tin.

Cơ chế xin “chấp thuận” của cơ quan quản lý chuyên ngành được đặt ra đối với NHTM khi thực hiện một số hoạt động đầu tư là biện pháp quản lý được áp dụng tại nhiều quốc gia như Nhật Bản, Hàn Quốc, Canada. Thông qua việc xem xét hồ sơ và quyết định chấp thuận việc thực hiện đầu tư của NHTM, NHNN không chỉ kiểm soát được việc đảm bảo các điều kiện đối với hoạt động đầu tư (được coi là bộ lọc đầu vào), bên cạnh đó, NHNN còn nắm rõ được hoạt động kinh doanh của từng NHTM, phạm vi hoạt động và trong nhiều trường hợp thông qua xem xét các điều kiện được quy định để đảm bảo hiệu quả quản lý.

Về việc đảm bảo các tỉ lệ và điều kiện khác trong quá trình thực hiện hoạt động đầu tư, trước hết, theo quy định, các chủ thể kinh doanh ngân hàng trên thị trường phải tiến hành báo cáo nghiệp vụ định kỳ theo quy định của NHNN. Chủ thể nhận báo cáo là các đơn vị thuộc NHNN với mẫu biểu và thông số được hướng dẫn chi tiết nhằm đáp ứng yêu cầu quản lí. Theo thông tư số 45/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 quy định về chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Biểu thuộc nhóm G1. Trong nội dung giám sát, bảo đảm an toàn hoạt động TCTD, TCTD phải thống kê thông tin và tiến hành báo cáo theo quý với hơn 10 mẫu biểu liên quan đến hoạt động góp vốn, mua cổ phần. Trong hướng dẫn yêu cầu của các mẫu biểu này, TCTD phải liệt kê đầy đủ và chi tiết các thông tin liên quan đến hoạt động đầu tư. Bên cạnh báo cáo định kỳ, pháp luật cũng quy định riêng về việc lập và công khai báo cáo tài chính của TCTD nói chung theo hạn định (năm, giữa niên độ & kỳ lập báo cáo tài chính khác). Báo cáo tài chính bắt buộc phản ánh một số chỉ tiêu liên quan đến hoạt động đầu tư. Qua chỉ số được phản ánh theo hướng dẫn và yêu cầu, NHNN cũng như nhà đầu tư sẽ có cơ sở nghiên cứu và nắm được tình hình hoạt động đầu tư của từng TCTD. Các NHTM đã thực hiện niêm yết trên thị trường chứng khoán phải tuân thủ quy định về công bố thông tin rất nghiêm ngặt theo quy định pháp luật chứng khoán.

Có thể thấy, pháp luật đã quy định chi tiết, rõ ràng trách nhiệm và nghĩa vụ của NHTM trong việc công bố thông tin và báo cáo với cơ quan quản lí nhà nước. Qua thông tin nắm bắt được, NHNN có cơ sở đánh giá đầy đủ thực trạng hoạt động đầu tư do các NHTM thực hiện, từ đó có biện pháp can thiệp khi cần thiết.

Thứ ba, NHNN thực hiện giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động đầu tư của NHTM. Để thực hiện hiệu quả chức năng giám sát, các bên liên quan trong hệ thống quản lí đều phải thực hiện trách nhiệm nhất định. NHTM phải thực hiện chế độ báo cáo và minh bạch thông tin, cơ quan quản lí thực hiện hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát trong phạm vi thuộc thẩm quyền.

NHNN Việt Nam thực thi chính sách giám sát an toàn vĩ mô bằng công cụ giới hạn đầu tư vào trái phiếu Chính phủ được quy định tại Thông tư 09/2017/TT-NHNN và Thông tư 06/2016/TT-NHNN thay thế và bổ sung một số điều của Thông tư 36/2014/TT-NHNN. Theo Thông tư này, các TCTD có thể được mua và đầu tư trái phiếu Chính phủ so với các quỹ ngắn hạn trung bình của tháng trước đó, cụ thể các giới hạn này như sau: (1) NHTM nhà nước: 25%; (2) NHTM cổ phần, ngân hàng liên doanh và ngân hàng 100% vốn nước ngoài: 30%; (3) Chi nhánh ngân hàng nước ngoài: 30%; (4) TCTD phi ngân hàng: 10%; (5) Ngân hàng hợp tác: 35%. Như vậy, với việc thực hiện chính sách giám sát an toàn vĩ mô, các ngân hàng sẽ giảm thiểu rủi ro hệ thống, tránh được các cú sốc bất ngờ từ nền kinh tế đồng thời sẽ duy trì và gia tăng ổn định.

Thứ tư, NHNN thực hiện kiểm tra, thanh tra, giám sát, xử lý vi phạm pháp luật liên quan đến hoạt động góp vốn mua cổ phần của các NHTM, hoạt động đầu tư nói riêng và toàn bộ hoạt động thị trường tiền tệ.

Ngân hàng là doanh nghiệp đặc thù, có quan hệ xung đột ủy quyền thừa hành lớn nhất vì vậy cần phải được giám sát chặt chẽ bởi cơ quan quản lý nhà nước. Nhận thức được yêu cầu này, hoạt động thanh tra, giám sát của ngân hàng được thực hiện tương đối toàn diện, cụ thể:

Về thẩm quyền, để đảm bảo hiệu quả, sự tập trung chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác thanh tra, giám sát, từ năm 2009 Cơ quan thanh tra-giám sát ngân hàng đã được Chính phủ thành lập theo Quyết định số 83/2009/QĐ-TTg trên cơ sở tổ chức lại bốn đơn vị trực thuộc NHNN gồm Thanh tra, Vụ các ngân hàng, Vụ các TCTD hợp tác và Trung tâm phòng chống rửa tiền. Việc thành lập cơ quan Thanh tra, Giám sát ngân hàng được coi là một công cuộc cải tổ đáng kể của NHNN nhằm tăng cường khả năng thanh tra, giám sát của hệ thống tài chính ngân hàng. Về bản chất và nhiệm vụ được giao, Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng đang là cơ quan thực hiện đầy đủ một chu trình gồm 04 khâu: Cấp phép; Ban hành quy chế; Thực hiện giám sát (giám sát từ xa và thanh tra tại chỗ); Xử phạt và thu hồi giấy phép.

Về nội dung và phương pháp thanh tra, giám sát, đặc thù hoạt động của ngân hàng cho thấy nguyên tắc phòng ngừa rủi ro và vi phạm cần được coi trọng hơn là chỉ tập trung xử lý rủi ro, vi phạm đã xảy ra. Trong khi đó ở Việt Nam, công tác thanh tra, giám sát hiện tại chủ yếu nhằm đảm bảo việc chấp hành các quy định về an toàn trong hoạt động ngân hàng của các TCTD (thanh tra tuân thủ). Cụ thể, hoạt động thanh tra ngân hàng chủ yếu thực hiện thanh tra chấp hành pháp luật, đánh giá mức độ rủi ro, năng lực quản trị rủi ro và tình hình tài chính của các TCTD, các rủi ro tiềm ẩn, phát hiện, ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền các vi phạm pháp luật,... Hoạt động giám sát bao gồm các hoạt động điển hình như thông qua thu thập, tổng hợp và xử lý các tài liệu, thông tin, dữ liệu của TCTD theo yêu cầu giám sát; xem xét, theo dõi tình hình chấp hành các quy định về an toàn hoạt động ngân hàng và các quy định khác của pháp luật có liên quan; phân tích, đánh giá thường xuyên tình hình tài chính, hoạt động, quản trị, điều hành và mức độ rủi ro của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, rủi ro mang tính hệ thống...

Nhìn chung, hoạt động thanh tra, giám sát kết hợp với các quy định chặt chẽ về công bố thông tin về mặt lý thuyết đã và đang tạo cơ sở để quản lý chặt chẽ và toàn diện hoạt động ngân hàng nói chung, trong đó có hoạt động góp vốn, mua cổ phần được thực hiện bởi NHTM. Tuy nhiên, trên thực tế, quy định về thanh tra, giám sát lĩnh vực ngân hàng và hoạt động đầu tư của NHTM nói riêng vẫn tồn tại một số bất cập như sau⁵:

⁵ Nguyễn Thị Thanh Tú (2019), *Hoàn thiện pháp luật điều chỉnh hoạt động đầu tư của ngân hàng thương mại tại Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.

Thứ nhất, về chủ thể, trên thực tế, việc thừa hành còn thiếu sự kết hợp, thống nhất giữa các cơ quan thực hiện hoạt động thanh tra, giám sát và quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài chính. Theo cách tiếp cận của pháp luật Việt Nam hiện hành, các cơ quan quản lý giám sát được phân định thẩm quyền theo lĩnh vực, cụ thể: NHNN là cơ quan thanh tra, giám sát trong lĩnh vực ngân hàng, Bộ Tài chính trong lĩnh vực bảo hiểm, Ủy ban chứng khoán nhà nước trong lĩnh vực chứng khoán. Mặc dù Việt Nam có ủy ban Giám sát tài chính quốc gia nhưng cơ quan này chỉ có chức năng tư vấn, giúp Thủ tướng Chính phủ điều hành hoạt động giám sát thị trường tài chính nói chung. Trong khi hoạt động giám sát, thanh tra có sự chia cắt, thực tế cho thấy hoạt động của các NHTM trên thị trường hiện nay rất phức tạp, mở rộng nhiều lĩnh vực hoạt động, đòi hỏi sự kết hợp nhiều chủ thể thực hiện quản lý. Theo đánh giá và nhận định tại nghiên cứu của Chương trình giảng dạy Kinh tế Fullbright về tình trạng sở hữu chéo giữa các TCTD và tập đoàn kinh tế Việt Nam, cơ quan thanh tra giám sát ngân hàng đến nay vẫn thiên về giám sát hoạt động của NHTM. Trong khi đó, các lĩnh vực giám sát khác thường bị giới hạn về năng lực hoặc nhân lực cũng như khuôn khổ pháp luật. Ví dụ để giám sát thành lập và hoạt động công ty con, công ty liên kết và công ty chứng khoán, hoặc hoạt động góp vốn, mua cổ phần thông thường hay hoạt động ủy thác đầu tư cần có Thanh tra Ủy ban Chứng khoán; để giám sát hoạt động kinh doanh bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ cần có Cục Quản lý giám sát bảo hiểm. Điều này cho thấy rằng, hoạt động của các NHTM phức tạp với nhiều mức độ khác nhau, vì thế cần phải có một khuôn khổ giám sát thống nhất và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan giám sát để đảm bảo hiệu quả giám sát.

Thứ hai, các cơ quan giám sát và thực hiện thanh tra nói chung vừa giữ chức năng giám sát, thanh tra vừa giữ chức năng ban hành chính sách, pháp luật nên hiệu quả thanh tra, giám sát có thể bị tác động. Có thể thấy trong lĩnh vực ngân hàng, NHNN vừa là cơ quan ban hành, hướng dẫn cụ thể các chỉ tiêu giám sát, các văn bản hướng dẫn Luật các TCTD, đồng thời vừa thực hiện chức năng thanh tra, giám sát gồm phê chuẩn, cấp giấy phép, xử phạt,... đối với các chủ thể kinh doanh ngân hàng, do đó sẽ không tránh khỏi sự xung đột về chức năng và lợi ích.

Thứ ba, về hoạt động xử lý vi phạm: Áp dụng chế tài trong điều chỉnh hành vi giao dịch không phải là biện pháp được ưu tiên. Tuy nhiên, pháp luật các nước đều có quy định về xử phạt vi phạm trong lĩnh vực ngân hàng và coi đây là công cụ hữu hiệu nhằm quản lý hoạt động của thị trường. Tại Việt Nam, các chế tài xử lý mà NHNN áp dụng đối với các vi phạm của TCTD hiện tại chủ yếu là phạt tiền, bên cạnh đó áp dụng biện pháp xử lý khác như hạn chế mở rộng hoạt động của TCTD (dừng cấp phép mở chi nhánh, văn phòng giao dịch...) hoặc chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra. Chính phủ Việt Nam đã ban hành Nghị định⁶ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng, trong đó quy định về việc xử phạt các hành vi vi phạm các quy định về hoạt động đầu tư của các TCTD, ví dụ phạt tiền đến 500.000.000 đồng

⁶ Chính phủ (2019), Nghị định 88/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

nếu thực hiện hoạt động đầu tư chưa được chấp thuận của NHNN, đồng thời áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả buộc thoái vốn tại công ti con, công ti liên kết; phạt tiền đến 300.000.000 đồng nếu dùng nguồn vốn khác ngoài vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần; mua, nắm giữ cổ phiếu của TCTD khác không đúng điều kiện và vượt giới hạn quy định của NHNN. Đồng thời NHNN có thể áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả như buộc thu hồi số vốn sử dụng không đúng quy định; buộc chuyển nhượng phần vốn góp, mua cổ phần không đúng quy định.

Tuy nhiên, quy định pháp luật về vấn đề này còn nhiều bất cập, hạn chế, đó là:

Một là, mức xử phạt chưa tạo được tính răn đe. Mặc dù đã đặt ra mức xử phạt hành chính đối với các hành vi vi phạm pháp luật về hoạt động đầu tư của các TCTD trong đó có NHTM, nhưng có thể thấy mức phạt này còn khá nhẹ so với thu nhập hằng năm nói chung và lợi ích mà TCTD thu được từ hoạt động đầu tư nói riêng. Bên cạnh đó, Bộ Luật hình sự hiện hành cũng chưa có quy định nào xử phạt các hành vi vi phạm về lĩnh vực kinh doanh ngân hàng. Điều này không chỉ không tạo được hiệu quả răn đe đối với các đối tượng vi phạm mà còn gây khó khăn, lúng túng cho các nhà quản lý trong quá trình thực thi pháp luật.

Hai là, chưa có chế tài cụ thể đối với các tội phạm về lợi ích nhóm, thao túng doanh nghiệp trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng. Trong bài báo đăng trên Thời báo Kinh tế Sài Gòn của tác giả Nguyễn Vũ⁷ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Đức Kiên, tác giả cho rằng cần mạnh dạn xử lý các tội danh kinh tế trên nền tảng vi phạm về khía cạnh kinh tế, sự khiên cưỡng về mặt pháp lý hình sự gây ra hiệu ứng không tích cực trong xã hội về niềm tin vào hệ thống pháp quyền. Vụ án ông Nguyễn Đức Kiên cho thấy rõ bất cập này. Các hành vi mà ông Kiên đã thực hiện có tính chất thao túng doanh nghiệp, xoay vòng vốn trong nhóm lợi ích tạo ra vốn ảo trên thị trường đều chưa có chế tài nào xử lý. Mặc dù ông Kiên đã bị tuyên án với bốn tội danh gồm: (i) kinh doanh trái phép; (ii) trốn thuế; (iii) cố ý làm trái quy định của nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng; (iv) lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhưng rõ ràng có thể thấy sức thuyết phục mà Viện kiểm sát đưa ra luận tội là không cao, còn nhiều lúng túng trước sự tranh luận của Luật sư, dẫn đến việc phúc thẩm của các bị cáo.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, pháp luật về quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư vốn của ngân hàng thương mại còn có một số hạn chế.

- Chức năng của ngân hàng trung ương và chức năng của cơ quan ngang bộ chưa thực sự tách bạch, hoạt động quản lý trong nhiều nội dung nặng về hành chính.

Một là, trong các quy định điều chỉnh hoạt động đầu tư của NHTM, NHNN đã yêu cầu các TCTD thực hiện mua cổ phần bắt buộc của TCTD được kiểm soát đặc biệt thực hiện theo

⁷ Nguyễn Vũ (2014), “Xử Bầu Kiên hay xử ai?”, Thời báo Kinh tế Sài Gòn, <http://www.thesaigontimes.vn/115481/Xu-Bau-Kien-hay-xu-ai?.html>, truy cập 28/4/2022.

Điều 149 Luật các TCTD năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Quyết định số 48/2013/QĐ-TTg ngày 01/8/2013, quy định này ít nhiều ảnh hưởng đến quyền tự do kinh doanh của TCTD.

Hai là, trong hầu hết các hoạt động đầu tư do NHTM thực hiện, thủ tục “xin chấp thuận” NHNN là yêu cầu bắt buộc. Quy định này mặc dù phát huy vai trò kiểm soát hoạt động đầu tư của NHTM song bởi Luật các TCTD không chỉ rõ các điều kiện chấp thuận do đó trong thực tế thủ tục xin chấp thuận sẽ phụ thuộc vào quyết định hành chính và hướng dẫn của NHNN.

Ba là, xét về năng lực quản lý và giám sát của NHNN, mặc dù là cơ quan duy nhất có thực quyền trực tiếp giám sát hệ thống ngân hàng nói chung, NHNN lại không có vị trí pháp lý độc lập, do NHNN không có sự độc lập về pháp lý (chỉ là cơ quan của Chính phủ), không có sự độc lập về hoạch định chính sách (chính sách tiền tệ được coi như bộ phận của chính sách kinh tế - tài chính), không có sự độc lập về nhân sự⁸, điều này ảnh hưởng lớn đến hiệu quả giám sát của NHNN.

Bốn là, NHTM với việc mở rộng hoạt động sang các lĩnh vực khác qua việc cho phép thực hiện góp vốn mua cổ phần tạo nên một hệ thống các công ty liên kết, công ty con trên nhiều lĩnh vực. Điều này đặt ra vấn đề về xác định thẩm quyền giữa các cơ quan quản lý chuyên ngành liên quan trong lĩnh vực tài chính, liệu có sự phân chia rõ ràng giữa NHNN với Ủy ban chứng khoán và Bộ Tài chính trong việc giám sát NHTM và các hành vi đầu tư, sở hữu chéo vào các công ty chứng khoán, bảo hiểm và lĩnh vực khác. Do vậy, cần đòi hỏi sự phân định rõ ràng trong chức năng quản lý, giám sát và phối kết hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chức năng để hoạt động đầu tư vốn của NHTM an toàn và hiệu quả.

Năm là, quy định về chế độ báo cáo và yêu cầu minh bạch thông tin, trên thực tế, vẫn còn tồn tại bất cập: (i) các thông tin yêu cầu báo cáo hiện nay chưa đảm bảo để đánh giá đầy đủ được các giao dịch giữa các công ty con, công ty liên kết với nhau, giao dịch giữa công ty con, công ty liên kết của hai TCTD với nhau. Vụ án ông Nguyễn Đức Kiên là một điển hình cảnh báo cho tình trạng này. Số liệu báo cáo với cơ quan quản lý đều hợp pháp với tỷ trọng đầu tư đảm bảo nhưng trong đó là những giao dịch không đúng quy định; (ii) pháp luật và thực thi pháp luật về “*thông tin phải được minh bạch*” (công bố thông tin) chưa rõ ràng, chưa hiệu quả và chưa tạo điều kiện cho nhà đầu tư, khách hàng tiếp cận. Về việc tiếp cận thông tin, đúng trên phương diện nhà đầu tư và khách hàng thông thường, việc tìm kiếm thông tin như báo cáo tài chính của các NHTM không phải là công việc đơn giản, đặc biệt là các ngân hàng có quy mô nhỏ. Về nội dung, một số quy định hiện hành không còn phù hợp. Ví dụ trong nội dung về thông tin công bố, quy định trường hợp tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại công ty hoặc TCTD đó và ngược lại mới được xem là người có liên quan và phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo Khoản 8, Điều 4 Luật các TCTD 2010 và Điều 14

⁸ Nguyễn Đức Ngọc (2010), Một vài đặc điểm của pháp luật Hoa Kỳ và liên hệ với pháp luật ngân hàng Việt Nam, *Tạp chí Luật học* 12.

Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 quy định các giới hạn, tỉ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Về vấn đề này, quan điểm được ghi nhận bởi nhiều nghiên cứu cho rằng tỉ lệ này là khá cao và không còn phù hợp, đủ dư địa cho các tổ chức, cá nhân sở hữu TCTD tránh được việc công bố thông tin. Trong điều kiện quy mô vốn điều lệ của các ngân hàng đang ngày một tăng nhanh, cụ thể với quy mô vốn điều lệ ở mức tối thiểu 3.000 tỷ đồng hiện nay, theo quy định thì tỉ lệ sở hữu 5% tương đương với số tiền 150 tỷ đồng. Con số này được xem là quá lớn và trên thực tế đã bỏ qua nhiều trường hợp các tổ chức và cá nhân chỉ nắm giữ dưới 5% vốn điều lệ của ngân hàng nhưng vẫn đủ khả năng thao túng quyền kiểm soát ngân hàng. Thực tế cho thấy, sau khi Chính phủ, NHNN quyết liệt xử lí sở hữu chéo tại các TCTD, các cổ đông, nhóm cổ đông có tỉ lệ nắm giữ cổ phần tại các TCTD trái quy định đã lạng lã thoát vốn. Tuy nhiên, thông tin về các cổ đông nhận chuyển nhượng rất hạn chế như trường hợp 03 cổ đông người Việt đầu tư 55,5 triệu USD mua gần 15% cổ phần VPBank từ OCBC⁹. Danh tính của những cổ đông này chỉ được biết chung chung là “các nhà đầu tư cá nhân trong nước” trong thông báo chính thức của VPBank.

Tóm lại, quản lí nhà nước về hoạt động đầu tư của các ngân hàng thương mại đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận, tuy nhiên thực tiễn cho thấy vẫn tồn tại hạn chế. Hoạt động quản lí vẫn thiên về sử dụng các công cụ quản lí trực tiếp bằng mệnh lệnh hành chính, việc sử dụng những công cụ quản lí gián tiếp như các chương trình, kế hoạch định hướng dài hạn có tính chiến lược, các chính sách kinh tế vĩ mô điển hình như chính sách tiền tệ quốc gia, chính sách thuế... vẫn chưa triệt để và mạnh mẽ. Công tác quản lí vẫn coi trọng chức năng quản lí nhà nước một cách không hợp lý so với chức năng ngân hàng trung ương của cơ quan công quyền chuyên biệt này.

4. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về quản lí nhà nước đối với hoạt động đầu tư của ngân hàng thương mại

Thứ nhất, tái cơ cấu hệ thống NHTM trên cơ sở đa dạng hóa các biện pháp tái cơ cấu ngân hàng, tách riêng tài sản, sáp nhập, mua lại, cứu trợ, tái vốn hóa và thanh lý. Thực trạng cơ chế quản lí trong thời gian qua chủ yếu áp dụng biện pháp tái cơ cấu ngân hàng từ phía bảo trợ của ngân hàng nhà nước theo phương pháp mệnh lệnh hành chính là mua lại ngân hàng với giá không đồng, sáp nhập ngân hàng. Với xu hướng điều hành thị trường tài chính hiện nay, cần phát huy vai trò và nỗ lực về tái cấu trúc NHTM trên cơ sở nội tại các ngân hàng, hạn chế sự can thiệp từ phía nhà nước vừa đảm bảo khả năng cạnh tranh và thích ứng của các NHTM vừa đảm bảo sự bền vững của hệ thống ngân hàng và hạn chế gánh nặng cho NHNN trong điều

⁹ An Huy (2013), 3 người Việt chi 55,5 triệu USD mua gần 15% cổ phần VPBank, <https://vneconomy.vn/3-nguoi-viet-chi-555-trieu-usd-mua-gan-15-co-phan-vpbank.htm>

hành thị trường. Như vậy, việc xây dựng một thể chế và khung pháp lý chặt chẽ sẽ thiết lập được kỉ luật thị trường, song cần thiết có sự giám sát mạnh, kịp thời của cơ quan quản lí, ngăn chặn các hành vi đối phó từ chủ thể kinh doanh.

Thứ hai, bổ sung quy định về “mô hình tập đoàn tài chính – ngân hàng” nhằm quản lí hoạt động của NHTM và hệ thống các công ti trực thuộc đảm bảo hiệu quả trong kiểm soát hoạt động sở hữu chéo và rủi ro trong các thị trường tài chính, đồng thời bảo đảm mở rộng hoạt động đầu tư kinh doanh linh hoạt của các ngân hàng thương mại thích ứng với những thay đổi của thị trường tài chính hiện nay.

Thứ ba, quy định rõ các loại chứng khoán được phép đầu tư và giới hạn hoạt động đầu tư chứng khoán của các NHTM nhằm bảo đảm sự an toàn bền vững cho các ngân hàng. Đồng thời quy định nâng chế tài xử phạt vi phạm hành chính đối với hoạt động đầu tư của NHTM. Bổ sung tội phạm đối với pháp nhân về thao túng thị trường và lợi ích nhóm phù hợp với các quy định của luật cạnh tranh về hành vi tập trung kinh tế.

Thứ tư, quy định chi tiết hoạt động uỷ thác đầu tư của NHTM¹⁰. Hoạt động uỷ thác góp vốn, mua cổ phần trước đây đã có thời gian bị biến tướng và trở thành một trong các hình thức được các ngân hàng sử dụng để tránh các quy định giới hạn trong hoạt động góp vốn mua cổ phần. Mặc dù, Luật các TCTD năm 2010 đã xác định uỷ thác góp vốn, mua cổ phần là một hình thức của hoạt động góp vốn, mua cổ phần nhưng quy định về tài chính, kiểm soát hoạt động này vẫn chưa được rõ ràng. Thông tư số 30/2014/TT-NHNN ngày 06/11/2014 về uỷ thác và nhận uỷ thác của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 14/2016/NĐ-CP đã đặt ra các quy định nhằm quản lí chặt chẽ hơn hoạt động uỷ thác của ngân hàng song vẫn chưa thực sự đầy đủ để quản lí và hạn chế các biến tướng. Đối với nội dung này, kiến nghị cần đưa vào luật các TCTD nội dung quy định về hoạt động uỷ thác của ngân hàng với xác định cụ thể về điều kiện, trình tự thực hiện việc thực hiện chức năng uỷ thác, phạm vi thực hiện và các quy định, giới hạn đảm bảo an toàn liên quan khi TCTD thực hiện hoạt động uỷ thác đầu tư. Việc xây dựng và đưa nội dung uỷ thác đầu tư vào luật là phù hợp với thông lệ quốc tế. Do tính chất nguồn vốn của ngân hàng và bản chất sử dụng vốn thông qua uỷ thác, quan hệ uỷ thác đầu tư do ngân hàng thực hiện được đề cao và chịu sự quản lí chặt chẽ bởi pháp luật.

Thứ năm, xác định rõ yêu cầu phải được chấp thuận của các cơ quan quản lí chuyên ngành¹¹ như Cơ quan cạnh tranh, Cơ quan quản lí lĩnh vực chứng khoán trong điều kiện và trình tự thủ tục thực hiện hoạt động thành lập, mua lại công ti con, công ti liên kết. Theo quy định tại Điều 33 Luật cạnh tranh 2018: Các doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế phải nộp hồ sơ thông báo tập trung kinh tế cho Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia trước khi tiến hành tập

¹⁰ Nguyễn Thị Thanh Tú, 2019, tđđ, tr. 153.

¹¹ Nguyễn Thị Thanh Tú, 2019, tđđ, tr. 155.

trung kinh tế nếu thuộc ngưỡng thông báo tập trung kinh tế. Ngưỡng thông báo tập trung kinh tế được xác định căn cứ vào một trong các tiêu chí mang tính “định lượng” hơn như: Tổng tài sản trên thị trường Việt Nam của doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế; Tổng doanh thu trên thị trường Việt Nam của doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế; Giá trị giao dịch của tập trung kinh tế; Thị phần kết hợp trên thị trường liên quan của doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế. Như vậy, với tỉ lệ nắm giữ cổ phần dưới 5% tức là chưa ở mức nhạy cảm đặc biệt khi đầu tư vào tổ chức trong cùng lĩnh vực hoặc có quan hệ với NHTM, các doanh nghiệp có thể vẫn phải thông báo tới cơ quan cạnh tranh quốc gia Việt Nam nếu thuộc ngưỡng phải thông báo tập trung kinh tế. Đây cũng là một trong những quy định pháp luật chuyên ngành hết sức cần lưu ý, bởi hoạt động của NHTM là hoạt động đặc thù, giá trị giao dịch thường rất lớn.

Thứ sáu, xây dựng và áp dụng quy chế quản trị NHTM hiệu quả theo tiêu chuẩn quản trị của OECD để vừa đảm bảo sự an toàn bền vững của các NHTM, vừa bảo vệ quyền lợi khách hàng khi tham gia dịch vụ tài chính, ở phương diện này, đòi hỏi quy định yêu cầu về đại diện của ngân hàng khi tham gia vào ban điều hành/quản trị của doanh nghiệp được góp vốn. Trên cơ sở đó, các ngân hàng muốn thực hiện hoặc mở rộng hoạt động đầu tư góp vốn cũng cần chứng minh được năng lực trong việc tham gia vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, đồng thời chứng minh ảnh hưởng không đáng kể của hoạt động đó đến rủi ro thanh toán và rủi ro hoạt động của ngân hàng.

Thứ bảy, để hoạt động đầu tư kinh doanh NHTM từng bước tiếp cận với các thông lệ, chuẩn mực quốc tế, trở thành một kênh hoạt động quan trọng, chuyên nghiệp, hiệu quả cho các ngân hàng nói riêng và cả nền kinh tế nói chung đòi hỏi phải có sự phối kết hợp trong cơ chế quản lý và chia sẻ thông tin trong hệ thống thị trường thông qua các cơ quan chuyên ngành, đó là Ủy ban chứng khoán nhà nước, Bộ tài chính - các đơn vị thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý của Nhà nước khi NHTM thực hiện hoạt động đầu tư thông qua tạo lập cơ chế liên kết chặt chẽ giữa các cơ quan có liên quan; xây dựng mô hình giám sát hợp nhất; thiết lập lộ trình và biện pháp cụ thể để thực hiện thanh tra, giám sát nhằm làm rõ và đưa vào quản lý chặt, cũng như dự phòng các giao dịch có vấn đề liên quan hoặc tạo lập quan hệ sở hữu chồng chéo trong hệ thống; xiết chặt chế tài xử lý đối với hành vi vi phạm các quy định trong hoạt động đầu tư của NHTM.

5. Kết luận

Trong định hướng phát triển hoạt động đầu tư kinh doanh chứng khoán, các NHTM Việt Nam cần xây dựng và thực thi các hoạt động đầu tư kinh doanh chứng khoán một cách bền vững, đảm bảo an toàn hệ thống. Thu nhập và tỷ suất sinh lời của hoạt động này cần duy trì ổn định và tăng trưởng qua các năm, đồng bộ với sự phát triển của hệ thống ngân hàng và phù hợp với mức độ phát triển của nền kinh tế. Việc hoàn thiện hệ thống pháp luật về quản lý và tăng cường hoạt động quản lý của NHNN và các cơ quan chuyên ngành trong hoạt động của

ngân hàng thương mại trên cả ba thị trường nhằm bảo đảm an toàn hệ thống và nâng cao năng lực cạnh tranh của các NHTM.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. An Huy (2013). 3 người Việt chi 55,5 triệu USD mua gần 15% cổ phần VPBank, <https://vneconomy.vn/3-nguoi-viet-chi-555-trieu-usd-mua-gan-15-co-phan-vpbank.htm>.
2. Chính phủ (2019). Nghị định 88/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.
3. Krugman, P. (2009). *The return of depression economics and the crisis of 2008*, New York: W. W. Norton.
4. Lai, A. (2002). *Modelling financial instability: a survey of the literature*. Citeseer.
5. Ngalawa, H., Tchana, F. T., & Vieg, N. (2016). Banking Instability and Deposit Insurance: The Role of Moral Hazard. *Journal of Applied Economics*, 19(2), 323-350.
6. Nguyễn Hữu Nghĩa (2014). Vai trò của ngân hàng nhà nước trong ổn định kinh tế vĩ mô và đảm bảo an toàn hoạt động ngân hàng, https://www.sbv.gov.vn/webcenter/portal/vi/menu/trangchu/hdk/hdkhcn/htnc/htnc_hitiet?
7. Nguyễn Đức Ngọc (2010). Một vài đặc điểm của pháp luật Hoa Kỳ và liên hệ với pháp luật ngân hàng Việt Nam, *Tạp chí Luật học* 12.
8. Huỳnh thị Hương Thảo, Hoàng Đình Dũng (2021). Nghiệp vụ đầu tư, kinh doanh chứng khoán và phân loại chứng khoán trong quá trình hạch toán tại các ngân hàng thương mại Việt Nam, <https://tapchinganhang.gov.vn/nghiệp-vu-dau-tu-kinh-doanh-chung-khoan-va-phan-loai-chung-khoan-trong-qua-trinh-hach-toan-tai-cac-n.htm>.
9. Nguyễn Thị Thanh Tú (2019). *Hoàn thiện pháp luật điều chỉnh hoạt động đầu tư của ngân hàng thương mại tại Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
10. Nguyễn Vũ (2014). “Xử Bầu Kiên hay xử ai?”, Thời báo Kinh tế Sài Gòn, <http://www.thesaigontimes.vn/115481/Xu-Bau-Kien-hay-xu-ai?.html>, truy cập 28/4/2022.